

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

14 TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

14 TCN 131 - 2002

TRANG THIẾT BỊ QUẢN LÝ
TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI
PHỤC VỤ TƯỚI TIÊU

42

HÀ NỘI - 2003

14 TCN

TIÊU CHUẨN NGÀNH

14 TCN 131 - 2002

TRANG THIẾT BỊ QUẢN LÝ
TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI
PHỤC VỤ TƯỚI TIÊU

HÀ NỘI - 2003

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn Ngành ***"Trang thiết bị quản lý trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu"*** (14 TCN 131 - 2002) ban hành nhằm quy định về các trang thiết bị và mức đầu tư các trang thiết bị quản lý để áp dụng cho các doanh nghiệp Nhà nước thuộc Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Công ty, Xí nghiệp; Trạm, Cụm quản lý công trình thủy lợi; Cụm công trình thủy lợi đầu mối) quản lý các công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu.

Tiêu chuẩn này được hoàn thành với sự phối hợp của một số cán bộ & chuyên gia trong Ngành.

Cơ quan biên soạn:

CỤC QUẢN LÝ NƯỚC VÀ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Cơ quan quản lý, thẩm định, trình duyệt:

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cơ quan ban hành:

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Theo Quyết định số 36/2003/QĐ-BNN ngày 9 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MỤC LỤC

	Trang
1 Quy định chung	5
2 Quy định về trang thiết bị quản lý	6
2.1 Trang thiết bị quản lý tại văn phòng công ty, xí nghiệp	6
2.2 Trang thiết bị quản lý tại trạm, cụm quản lý công trình thủy lợi	8
2.3 Trang thiết bị tại công trình đầu mối	9
3 Quy định về mức đầu tư trang thiết bị quản lý	10
3.1 Đối với công trình do công ty, xí nghiệp đang quản lý, khai thác	10
3.2 Đối với công trình đầu mối xây dựng mới	11
3.3 Đối với công trình sửa chữa nâng cấp	11

Số 36/2003/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 2003

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
Về việc ban hành Tiêu chuẩn: Trang thiết bị quản lý trong
hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu 14 TCN 131- 2002.**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Căn cứ Nghị định số 141-HĐBT ngày 24/8/1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc ban hành Điều lệ về công tác Tiêu chuẩn hoá.
- Căn cứ Quyết định số 135/1999-QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 10 năm 1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy chế lập, xét duyệt và ban hành tiêu chuẩn Ngành.
- Theo đề nghị của Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này tiêu chuẩn Ngành: 14 TCN 131-2002: Trang thiết bị quản lý trong hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tưới tiêu.

Điều 2: Tiêu chuẩn này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3: Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Cục trưởng Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3.
- Lưu HC, Vụ KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

THỨ TRƯỞNG

Đã ký: Nguyễn Đình Thịnh

TRANG THIẾT BỊ QUẢN LÝ TRONG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI PHỤC VỤ TƯỚI TIÊU

Equipment for management of irrigation system

1. Quy định chung.

- 1.1. Trang thiết bị quản lý được đề cập trong tiêu chuẩn này nhằm phục vụ cho công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
- 1.2. Trang thiết bị quản lý bao gồm: Nhà quản lý, thiết bị văn phòng, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị quan trắc, phương tiện phục vụ quản lý, kiểm tra, thiết bị phục vụ duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi.

Riêng đối với thiết bị quan trắc cụm đầu mỗi công trình thủy lợi thực hiện theo tiêu chuẩn ngành 14 TCN 100 - 2001.

- 1.3. Trang thiết bị quản lý trong tiêu chuẩn này áp dụng cho các Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty, Xí nghiệp) để làm nhiệm vụ quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị đó phụ trách; khuyến khích áp dụng đối với các loại hình doanh nghiệp khác có làm công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
- 1.4. Nguyên tắc chung về trang thiết bị là: Đầy đủ theo mức cần thiết, tiết kiệm, chất lượng, đảm bảo cho việc quản lý, vận hành công trình, thông tin thuận lợi, thuận tiện, đạt kết quả tốt.
 - Các thiết bị, máy móc đo đạc phải được định kỳ hiệu chuẩn theo pháp quy về đo lường.
 - Khi áp dụng tiêu chuẩn này phải đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chế có liên quan.

1.5. Nội dung trang thiết bị quản lý trong tiêu chuẩn này gồm:

1.5.1. Nhà quản lý:

- Nhà làm việc của Văn phòng Công ty, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi.
- Nhà làm việc của trạm, cụm quản lý.
- Nhà ở, làm việc của công nhân trực tiếp bảo vệ, vận hành công trình đầu mối như: hồ, đập, âu thuyền, trạm bơm, cống, kênh chính lớn.

1.5.2. Thiết bị văn phòng.

Tùy theo mục đích sử dụng và tầm quan trọng, thiết bị văn phòng được chia làm 2 loại:

- Thiết bị văn phòng chủ yếu, bao gồm: Máy vi tính, máy in, máy FAX, máy photocopy.
- Thiết bị văn phòng thứ yếu, bao gồm: Bàn, ghế, tủ đựng tài liệu, máy điều hoà nhiệt độ, quạt điện, máy ảnh.

1.5.3. Thiết bị thông tin liên lạc:

- Mạng nội bộ, máy điện thoại, bộ đàm, vô tuyến truyền hình, radiô.

1.5.4. Phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý, quan trắc kiểm tra, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng công trình.

a) Phương tiện phục vụ giao thông:

Xe ô tô con từ 4 đến 12 chỗ ngồi, xe máy, xuồng, thuyền.

b) Thiết bị quan trắc, kiểm tra: Máy thăng bằng, kính vĩ, máy ảnh, thiết bị đo đếm kiểm tra điện, lưu tốc kế, thiết bị đo chất lượng nước, bốc hơi, độ phù sa bùn cát, thiết bị đo cường độ bê tông, độ chặt của đất đắp...

c) Thiết bị phục vụ duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình: Xe ô tô tải, máy đầm, máy xúc, máy đào, máy trộn bê tông, máy hàn, máy tiện...

1.6. Tiêu chuẩn này qui định về qui mô, chủng loại và mức độ đầu tư trang thiết bị quản lý, cụ thể như sau:

1.6.1. Đối với nhà làm việc, qui định về qui mô (cấp nhà), diện tích nhà sử dụng, mức vốn đầu tư.

1.6.2. Đối với trang thiết bị văn phòng, thiết bị thông tin liên lạc, thiết bị quan trắc, kiểm tra, thiết bị phục vụ duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi, phương tiện phục vụ quản lý, qui định về chủng loại, mức vốn đầu tư.

1.7. Đối với các công trình thủy lợi xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp thì các tổ chức tư vấn phải tính toán, dự trù, bố trí đủ vốn đầu tư trang thiết bị quản lý cho các công trình theo điều 1.5 trên đây trong tổng mức đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

1.8. Đối với các công trình đang vận hành; Công ty, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào tiêu chuẩn này để lập kế hoạch, dự toán trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, để từng bước đầu tư, bổ sung hoàn thiện trang thiết bị cho phù hợp. Nguồn vốn cho công việc này được lấy từ nguồn thu thủy lợi phí và được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

1.9. Trang thiết bị quản lý phải phù hợp với từng đối tượng sử dụng và yêu cầu sử dụng, điều kiện kinh tế, kỹ thuật, điều kiện về địa hình, vị trí địa lý, qui mô của hệ thống thủy lợi do Công ty, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi quản lý.

1.10. Các Công ty, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi phải có trách nhiệm quản lý, có quy chế bảo quản và sử dụng tốt trang thiết bị đã được trang bị theo qui định chung.

2. Quy định về trang, thiết bị quản lý.

2.1. Trang thiết bị quản lý tại văn phòng Công ty, Xí nghiệp.

2.1.1. Nhà làm việc.

a) Diện tích đất xây dựng: Phải đảm bảo đủ diện tích để xây dựng các hạng mục:

- Nhà làm việc của cán bộ công nhân viên trong Công ty, Xí nghiệp.

- Nhà kho, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, gara để xe ô tô, sân, cổng và hàng rào bảo vệ khu vực quản lý.

b) Nhà làm việc phải đảm bảo yêu cầu: